CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
Date: 2026.11.22 12:41:59 +07'00'

VinaCapital

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 20261120-01/VCFM-FUEVN50G

Ngày 20 tháng 11 năm 2026/ Date 20-Nov-2026

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES AND CASH TO EXCHANGE FOR ETF LOT

Kính gửi/*Dear*: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management Company:* Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital/ *VinaCapital Fund Management Joint Stock Company*

- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)/ *Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited*
- Tên quỹ ETF/ *ETF name*: QUỸ ETF VINACAPITAL VN50 GROWTH/ *VINACAPITAL VN50 GROWTH ETF*
- Mã chứng khoán/ Securities *code*: **FUEVN50G**
- Địa chỉ trụ sở/ *Main office address*: Lầu 17, tòa nhà SunWah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam/
17th Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ *We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:*

- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date*: **23/11/2026**

- Đơn vị tính: 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Components and weighting:*

STT *No.*	Mã chứng khoán *Securities code*	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) *Volume/ Amount*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weight (%)*
I.Chứng khoán/ *Stock*		**1,002,569,000**	**99.97**
1	ACB	1,500	2.93
2	BID	200	0.60
3	CII	400	0.53
4	CTG	400	1.20
5	DIG	500	0.50
6	DXG	500	0.55
7	EIB	500	0.79
8	FPT	900	4.04
9	FRT	100	1.48
10	GEX	600	1.20
11	GMD	300	1.50
12	HCM	300	0.69
13	HDB	1,700	3.70
14	HPG	3,100	6.32
15	KBC	400	1.05
16	KDH	500	0.77
17	LPB	900	3.07
18	MBB	1,600	2.91
19	MCH	100	1.32
20	MSB	800	1.32
21	MSN	600	4.18
22	MWG	700	5.00
23	NAB	500	0.65
24	NLG	200	0.46
25	NVL	1,300	1.29
26	PDR	300	0.33
27	PNJ	200	0.27
28	REE	100	0.46
29	SHB	1,100	1.15
30	SSB	600	0.89
31	SSI	800	1.60
32	STB	600	4.24
33	TCB	1,800	3.80
34	TCH	400	0.55
35	TCX	200	0.55
36	TPB	500	0.62
37	VCB	300	1.50
38	VCI	300	0.56
39	VCK	200	0.53
40	VHM	1,600	9.64
41	VIB	700	0.93
42	VIC	400	9.65
43	VIX	900	1.14
44	VJC	200	2.74
45	VND	400	0.59
46	VNM	500	2.56
47	VPB	2,000	4.09
48	VPL	200	1.91
49	VPX	100	0.23
50	VRE	600	1.41
II.Tiền/ *Cash*		**346,152**	**0.03**
III.Tổng/ *Total* (=I+II)		**1,002,915,152**	**100**

Classified: Public

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between the value of basket of component securities and the value per lot of ETF:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value* : (VND)	1,002,569,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF* : (VND)	1,002,915,152
+ Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Difference in value (if any):* (VND)	346,152
+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to deal with the difference* :	
. Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order* :	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
. Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *With redemption order* :	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có)/ *In case, stock can be replaced by cash (if any)*

Mã chứng khoán	**Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)**	**Đối tượng áp dụng**	**Lý do**
Securities code	***Cash amount is replaced for 1 share (VND)***	***Applied to***	***Reason***
BID	33,055	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/Restriction of ownership by Article 28.4 a of Circular 121/2020/TT-BTC
MWG	78,870	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
REE	51,205	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
VCI	20,570	Vietcap	Cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury shares not yet registered for trading

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any):*
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other information (if any):*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.
We declare that all information provided in this paper is true and accrate; we shall be legally responsible for any mispresentation.

Đại diện Công ty cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital
Representative of VinaCapital Fund Management JSC
Người được ủy quyền CBTT
Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

S.G.P: 31 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Đinh Gia Ninh
Trưởng bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ
Head of Internal Control